

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỶ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2024/HNGĐ-ST

Ngày:08-5-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỶ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Hải và ông Chu Quang Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04 /2024/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn An P, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn An P, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

(Chị T, anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đức T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Công Mừng, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không có sự thay đổi. Nhiều lần chị đã gửi đơn đến Tòa án để đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T, tuy nhiên sau đó chị suy nghĩ lại vì thương con nhỏ nên đã rút đơn về để cho anh T có sự thay đổi nhưng anh T vẫn không có sự thay đổi. Năm 2016, chị và anh T chuyển về Tứ Kỳ sinh sống, mục đích mong muốn tạo điều kiện cho anh T, nhưng anh T bản chất không thay đổi nên hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác

định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức T.

+ Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là Lê Thủy V, sinh năm 2005 và Lê Tuấn T, sinh ngày 30/9/2006. Hiện cháu Vân đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Thành hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Đức T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận lời trình bày của chị T về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng, mâu thuẫn đã kéo dài hơn 10 năm nay, từ năm 2022 vợ chồng sống ly thân. Quá trình chung sống, anh T nhận thấy mình có nhiều khuyết điểm, tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T và cảm nhận được chị T cũng còn tình cảm với anh, chỉ là thời gian qua vợ chồng không có nhiều thời gian để nói chuyện, anh cũng đã thay đổi bản thân, tu chí làm ăn nhưng có thể do mâu thuẫn vợ chồng tích tụ thời gian dài, đã quá trầm trọng nên chị T không cho anh cơ hội để làm lại. Anh mong muốn chị T bỏ qua mọi lỗi lầm của anh để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Do đó chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị T về số lượng con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung là đúng. Hiện cháu Vân đã trưởng thành, cháu Thành chưa trưởng thành, trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị T thì anh tôn trọng nguyện vọng của con, ở với ai là do con quyết định, nếu ở với chị T thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi con cùng chị T nếu như chị T có yêu cầu. Nếu con ở với anh thì anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức T và giải quyết về con chung. Chị đề nghị giao con chung là cháu Lê Tuấn T, sinh ngày 30/9/2006 cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lê Đức T trình bày nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung là cháu Lê Tuấn T, sinh ngày 30/9/2006 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh vẫn sẽ có trách nhiệm trong việc hỗ trợ chị T nuôi con chung.

- Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Tuấn T - sinh ngày: 30/9/2006 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung, chị T không được phép ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh Lê Đức T, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh T hiện sinh sống tại thôn An Phú, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ. Do đó, TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lê Đức T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/10/2003. tại UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày chủ yếu xuất phát từ anh T, chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội nhưng anh T không có sự thay đổi. Về phía anh T cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn từ nhiều năm nay, anh cũng nhận thấy mình có nhiều khuyết điểm nhưng do anh vẫn còn tình cảm với chị T nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, chị T và anh T thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, anh T mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có phương pháp để khắc phục mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thủy V, sinh năm 2005 và Lê Tuấn T, sinh ngày 30/9/2006. Hiện cháu Vân đã trưởng thành, cháu Thành chưa trưởng thành. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng, cháu Thành có nguyện vọng được ở với chị T, anh T có quan điểm tôn trọng sự lựa chọn của cháu. Do đó cần giao cháu Thành cho chị Thủy tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Đức T

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Tuấn T - sinh ngày: 30/9/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung

Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004762 ngày 03/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Nguyên Giáp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn T Hải Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Văn Quân